UBND TỈNH TÂY NINH
SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 647 /KH-SGDĐT

Tây Ninh, ngày 30 tháng 01 năm 2026

KẾ HOẠCH
Duy trì, nâng cao Chỉ số đổi mới sáng tạo (PII) Ngành Giáo dục và Đào tạo năm 2026

Căn cứ Nghị quyết số 71/NQ-CP ngày 01/4/2025 của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung cập nhật Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia; Nghị quyết số 02/NQ-CP ngày 08/01/2025 của Chính phủ về những nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu cải thiện môi trường kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia năm 2025; Kết quả công bố Chỉ số đổi mới sáng tạo cấp địa phương năm 2025 của Bộ Khoa học và Công nghệ;

Thực hiện Kế hoạch số 2300/KH-UBND ngày 25/11/2025 của UBND tỉnh về việc duy trì, nâng cao chỉ số đổi mới sáng tạo cấp địa phương (PII) tỉnh Tây Ninh năm 2026, Sở Giáo dục và Đào tạo (GDĐT) ban hành Kế hoạch duy trì, nâng cao Chỉ số đổi mới sáng tạo cấp địa phương (PII) của Ngành Giáo dục và Đào tạo năm 2026, cụ thể như sau:

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Mục đích

- Thực hiện kịp thời và hiệu quả các nội dung, nhiệm vụ được giao đối với Ngành GDĐT tại Kế hoạch số 2300/KH-UBND ngày 25/11/2025 của Uỷ ban nhân dân tỉnh Tây Ninh tương xứng với điều kiện nguồn lực của Sở GDĐT.

- Tăng cường nhận thức và nâng cao trách nhiệm đối với các cơ sở giáo dục về Chỉ số PII, về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia; đồng thời triển khai nhiệm vụ trọng tâm, giải pháp thiết thực hiệu quả nhằm duy trì, nâng cao các chỉ số thuộc Ngành GDĐT quản lý.

2. Yêu cầu

- Thực hiện đủ các nội dung, nhiệm vụ được giao tại Kế hoạch số 2300/KH-UBND phải bám sát mục tiêu, nhiệm vụ và giải pháp chung của tỉnh về duy trì, nâng cao Chỉ số PII đồng thời phù hợp với nguồn lực của Ngành GDĐT; đảm bảo đúng tiến độ, đúng quy định hiện hành, khách quan, công khai và hiệu quả.

- Các phòng thuộc Sở, các đơn vị liên quan thực hiện đúng chức năng, nhiệm vụ được giao để tham gia, phối hợp chặt chẽ trong quá trình triển khai Kế hoạch đúng tiến độ và đạt mục tiêu đề ra.

- Kết quả công bố về Chỉ số PII của ngành phải được đánh giá, phân tích các điểm mạnh, điểm yếu hàng năm theo chu kỳ công bố và đưa ra được các giải pháp để duy trì, nâng cao các Chỉ số PII thành phần.

II. MỤC TIÊU

1. Mục tiêu chung

- Thông qua các nhiệm vụ, giải pháp của kế hoạch nâng cao Chỉ số PII sẽ góp phần nâng cao nhận thức, vai trò của khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia trong thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh Tây Ninh.

- Xây dựng kế hoạch tổng thể nhằm gia tăng sự đóng góp của khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia vào sự phát triển kinh tế - xã hội hiệu quả thông qua quá trình thực thi các giải pháp nâng cao Chỉ số PII của tỉnh Tây Ninh.

- Đánh giá tiềm năng đổi mới để nâng cao Chỉ số PII thông qua kế hoạch nâng cao các chỉ số thành phần. Ban hành bảng kế hoạch chi tiết để các cơ sở giáo dục tổ chức triển khai thực hiện.

- Phối hợp giữa các sở, ban, ngành, địa phương trong quá trình thu thập và cung cấp dữ liệu đối với các chỉ số do địa phương cung cấp (theo hướng dẫn của Bộ Khoa học và Công nghệ) cũng như phối hợp trong quá trình triển khai các nhiệm vụ nhằm nâng cao các chỉ số thành phần này.

2. Mục tiêu cụ thể

Năm 2026, duy trì, nâng cao điểm số các trụ cột Chỉ số PII, phấn đấu nằm trong nhóm 10 sở, ban, ngành của tỉnh Tây Ninh.

III. THỰC TRẠNG VÀ GIẢI PHÁP NÂNG CAO CHỈ SỐ PII

Các nội dung đánh giá thực trạng và giải pháp tại từng trụ cột dưới đây được xây dựng trên cơ sở kết quả công bố Chỉ số đổi mới sáng tạo cấp địa phương (PII) năm 2025 của Bộ Khoa học và Công nghệ; đồng thời gắn với các chỉ số thành phần và biến số cụ thể trong Bộ Chỉ số PII nhằm đảm bảo khả năng đo lường, theo dõi và đánh giá tác động trong quá trình triển khai thực hiện.

1. Trụ cột 1: Thể chế *(Chỉ số này đánh giá môi trường pháp lý và chính sách thúc đẩy đổi mới sáng tạo)*

1.1. Thực trạng

- Điểm mạnh: Hệ thống văn bản chỉ đạo năm học được ban hành kịp thời. Công tác cải cách hành chính trong lĩnh vực giáo dục đạt 100%.

- Hạn chế: Các chính sách khuyến khích đặc thù cho giáo viên/ học sinh có thành tích đổi mới sáng tạo (ngoài các kỳ thi học sinh giỏi) không có hoặc mức chi hỗ trợ thấp. Cơ chế tự chủ tài chính tại các trường công lập còn vướng mắc, chưa tạo động lực bứt phá.

1.2. Giải pháp

- Ban hành văn bản hướng dẫn về việc lồng ghép tiêu chí đổi mới sáng tạo trong đánh giá, xếp loại thi đua hằng năm đối với cơ sở giáo dục, cán bộ quản lý, giáo viên; trong đó ưu tiên các hoạt động nghiên cứu khoa học, sáng kiến có tính ứng dụng, sản phẩm số và mô hình đổi mới phương pháp quản lý, dạy học.

- Rà soát, chuẩn hóa và đơn giản hóa các quy trình quản lý chuyên môn, quản lý sáng kiến, nghiên cứu khoa học trong ngành giáo dục theo hướng công khai, minh bạch, số hóa toàn bộ quy trình (từ đăng ký, xét duyệt đến công nhận, lưu trữ kết quả), bảo đảm thống nhất trong toàn ngành và giảm thủ tục hành chính cho cơ sở giáo dục.

- Xây dựng cơ chế "thử nghiệm có kiểm soát" trong giáo dục: Cho phép một số trường thí điểm các mô hình quản trị mới hoặc chương trình tích hợp liên môn ngoài khung cứng để đánh giá hiệu quả.

Giải pháp này nhằm cải thiện các chỉ số thành phần: Chất lượng thể chế; mức độ hỗ trợ chính sách cho đổi mới sáng tạo; hiệu quả cải cách hành chính trong lĩnh vực giáo dục.

2. Trụ cột 2: Nguồn nhân lực và nghiên cứu *(Đây là trụ cột quan trọng nhất mà Ngành GDĐT đóng vai trò chủ chốt)*

2.1. Thực trạng

- Điểm mạnh: Tỷ lệ học sinh đi học đúng độ tuổi và tỷ lệ tốt nghiệp THPT duy trì mức cao. Chất lượng giáo dục được nâng cao, ổn định.

- Hạn chế: Tỷ lệ giáo viên có trình độ trên chuẩn (thạc sĩ, tiến sĩ) ở bậc phổ thông còn thấp so với các tỉnh. Ngân sách chi cho nghiên cứu và triển khai trong trường học gần như không có hoặc rất ít (chủ yếu là nguồn xã hội hóa).

2.2. Giải pháp

- Về nhân lực: Có lộ trình cử giáo viên cốt cán đi đào tạo nâng cao trình độ (thạc sĩ/tiến sĩ) bằng ngân sách địa phương hoặc liên kết.

- Về nghiên cứu: Quy hoạch lại các trường THPT chuyên và trường trọng điểm thành các "Trung tâm ươm tạo tài năng". Tăng cường huy động, lồng ghép các nguồn kinh phí hợp pháp, ngân sách nhà nước để hỗ trợ cho các câu lạc bộ STEM, Robotics trong trường học.

Giải pháp này nhằm cải thiện các chỉ số thành phần: Tỷ lệ nhân lực nghiên cứu và phát triển (R&D)/10.000 dân; chi cho giáo dục – đào tạo; năng lực hấp thụ tri thức và công nghệ của nguồn nhân lực.

3. Trụ cột 3: Cơ sở hạ tầng *(Tập trung vào hạ tầng công nghệ thông tin và môi trường sinh thái)*

3.1. Thực trạng

- Điểm mạnh: 100% cơ sở giáo dục có kết nối Internet.

- Hạn chế: Hạ tầng máy tính tại các phòng tin học ở các cơ sở giáo dục vùng xa đã xuống cấp, cấu hình thấp không đáp ứng được các phần mềm mô phỏng mới. Tỷ lệ trường học đạt chuẩn ISO còn thấp.

3.2. Giải pháp

- Triển khai dự án "Thư viện số và Học liệu số dùng chung" toàn Ngành để tối ưu hạ tầng dữ liệu.

- Triển khai, nâng cấp hệ thống cơ sở dữ liệu ngành, học bạ số, tuyển sinh đầu cấp trực tuyến nhằm hoàn thiện hạ tầng dữ liệu và nền tảng số phục vụ quản lý, điều hành và đổi mới sáng tạo trong giáo dục.

- Huy động nguồn lực xã hội hóa để nâng cấp đường truyền Internet băng thông rộng và trang bị phòng Lab hiện đại (theo chuẩn STEAM) cho các trường trọng điểm.

- Kiểm tra công tác xây dựng trường chuẩn Quốc gia, trường học Xanh – Sạch – Đẹp gắn với yêu cầu về hạ tầng số, hạ tầng công nghệ thông tin và môi trường giáo dục hỗ trợ đổi mới sáng tạo trong nhà trường.

Giải pháp này nhằm cải thiện các chỉ số thành phần: Hạ tầng công nghệ thông tin; hạ tầng số phục vụ đổi mới sáng tạo; mức độ sẵn sàng về dữ liệu và môi trường sinh thái đổi mới sáng tạo.

4. Trụ cột 4: Trình độ phát triển của thị trường *(Ngành GDĐT đóng vai trò hỗ trợ thông qua đào tạo kiến thức tài chính và định hướng nghề nghiệp)*

4.1. Thực trạng

Công tác giáo dục kỹ năng tài chính, khởi nghiệp cho học sinh phổ thông còn mang tính hình thức, nặng về lý thuyết. Sự kết nối giữa nhà trường và thị trường lao động (doanh nghiệp) trong định hướng nghề nghiệp chưa chặt chẽ.

4.2. Giải pháp

- Đưa nội dung "Giáo dục tài chính cá nhân" và "Tư duy khởi nghiệp" vào hoạt động trải nghiệm hướng nghiệp một cách thực chất.

- Phối hợp với các quỹ đầu tư, ngân hàng địa phương tổ chức các cuộc thi ý tưởng khởi nghiệp cho học sinh/sinh viên với giải thưởng là vốn mồi.

Giải pháp này nhằm cải thiện các chỉ số thành phần: Mức độ phát triển thị trường; khả năng tiếp cận kiến thức tài chính, khởi nghiệp và đổi mới sáng tạo của học sinh, sinh viên.

5. Trụ cột 5: Trình độ phát triển của doanh nghiệp *(Ngành GDĐT hỗ trợ thông qua việc cung cấp nhân lực có khả năng hấp thụ công nghệ)*

5.1. Thực trạng

- Các trường cao đẳng, trung cấp (thuộc/liên kết Sở) chưa có nhiều hợp đồng chuyển giao công nghệ hoặc đào tạo theo đặt hàng trực tiếp từ doanh nghiệp FDI/doanh nghiệp công nghệ cao.

5.2. Giải pháp

- Ký kết chương trình hợp tác "Nhà trường - Doanh nghiệp": Mời chuyên gia từ doanh nghiệp về giảng dạy một số tiết thực hành.

- Khuyến khích doanh nghiệp đặt "đề bài" cho các cuộc thi Khoa học kỹ thuật của học sinh, giúp sản phẩm dự thi giải quyết vấn đề thực tế của doanh nghiệp.

Giải pháp này nhằm cải thiện các chỉ số thành phần: Mức độ liên kết viện – trường – doanh nghiệp; khả năng hấp thụ công nghệ của doanh nghiệp thông qua nguồn nhân lực được đào tạo.

6. Trụ cột 6: Sản phẩm tri thức, sáng tạo và công nghệ *(Kết quả đầu ra của quá trình đổi mới sáng tạo trong giáo dục)*

6.1. Thực trạng

- Điểm mạnh: Số lượng sáng kiến của toàn ngành hàng năm rất lớn.

- Hạn chế: Phần lớn sáng kiến chỉ nằm trên giấy, tính ứng dụng và nhân rộng thấp. Số lượng bài báo khoa học quốc tế của đội ngũ giáo viên/ cán bộ quản lý gần như không có. Số lượng đơn đăng ký sở hữu trí tuệ từ các sản phẩm thi Khoa học kỹ thuật học sinh rất hiếm.

6.2. Giải pháp

- Chuyển đổi tiêu chí đánh giá sáng kiến: Ưu tiên các sáng kiến tạo ra sản phẩm số (phần mềm, app, thiết bị dạy học tự làm) có thể đo lường hiệu quả.

- Khuyến khích công bố sản phẩm tri thức, sáng tạo và công nghệ trên các tạp chí khoa học trong nước có uy tín; từng bước tiếp cận công bố quốc tế đối với đội ngũ đủ điều kiện.

- Hỗ trợ kinh phí và pháp lý để đăng ký Bảo hộ kiểu dáng công nghiệp hoặc Giải pháp hữu ích cho các sản phẩm đạt giải cao trong cuộc thi Khoa học kỹ thuật cấp tỉnh/quốc gia.

Giải pháp này nhằm cải thiện các chỉ số thành phần: Số lượng và chất lượng sản phẩm sáng tạo; số sản phẩm có đăng ký sở hữu trí tuệ; mức độ thương mại hóa kết quả nghiên cứu, sáng kiến.

7. Trụ cột 7: Tác động *(Đánh giá ảnh hưởng đến kinh tế - xã hội)*

7.1. Thực trạng

- Điểm mạnh: Góp phần duy trì chỉ số HDI (Chỉ số Phát triển con người) của tỉnh ở mức ổn định thông qua chỉ số giáo dục.

- Hạn chế: Tỷ lệ học sinh/sinh viên ra trường có việc làm đúng chuyên ngành hoặc có kỹ năng số đáp ứng ngay yêu cầu công việc chưa cao (cần đào tạo lại).

7.2. Giải pháp

- Tập trung nâng cao "Năng lực số" (Digital Literacy) cho học sinh ngay từ cấp tiểu học để chuẩn bị lực lượng lao động chất lượng cao cho tương lai.

- Khai thác, sử dụng hệ thống cơ sở dữ liệu ngành và học bạ số để theo dõi, đánh giá kết quả đầu ra giáo dục, tình trạng việc làm sau tốt nghiệp và tác động của đổi mới sáng tạo đối với phát triển kinh tế – xã hội địa phương.

- Từng bước hình thành cơ chế theo dõi (tracking) cựu học sinh/sinh viên trên cơ sở khai thác hệ thống cơ sở dữ liệu ngành hiện có, không làm phát sinh hệ thống độc lập và phối hợp với các cơ quan lao động – việc làm của địa phương.

Giải pháp này nhằm cải thiện các chỉ số thành phần: Tác động của đổi mới sáng tạo đến phát triển kinh tế – xã hội; chất lượng nguồn nhân lực; chỉ số phát triển con người (HDI).

IV. PHÂN CÔNG NHIỆM VỤ

1. Trụ cột 1: Thể chế

Mục tiêu: *Hoàn thiện hành lang pháp lý và cải cách hành chính.*

Nội dung công việc	Thời gian thực hiện	Đơn vị chủ trì (Sở GDĐT)	Đơn vị phối hợp
Rà soát, cắt giảm thủ tục hành chính, tăng tỷ lệ hồ sơ trực tuyến toàn trình.	Cả năm (trọng điểm Quý I, III)	Văn phòng Sở	Các phòng chuyên môn Sở; Trung tâm Phục vụ Hành chính công tỉnh
Ban hành hướng dẫn nhiệm vụ năm học có lồng ghép chỉ tiêu Chỉ số đổi mới sáng tạo (PII).	Tháng 8/2026	Văn phòng Sở	Tất cả các phòng chuyên môn

2. Trụ cột 2: Vốn con người và nghiên cứu

Mục tiêu: *Nâng cao trình độ giáo viên và đẩy mạnh nghiên cứu khoa học.*

Nội dung công việc	Thời gian thực hiện	Đơn vị chủ trì (Sở GDĐT)	Đơn vị phối hợp
Tổ chức đào tạo, bồi dưỡng nâng chuẩn (Thạc sĩ, Tiến sĩ) và kỹ năng số cho giáo viên.	Thường xuyên	Tất cả các phòng chuyên môn	Các trường Đại học, Cao đẳng Sư phạm
Tổ chức Cuộc thi nghiên cứu khoa học kỹ thuật dành cho học sinh trung học và Ngày hội STEM.	Quý IV/2026 (Tháng 11-12)	Phòng Giáo dục phổ thông (GDPT)	Sở Khoa học và Công nghệ (KHCN), Tỉnh Đoàn
Phân bổ ngân sách chi thường xuyên ưu tiên cho hoạt động dạy học và nghiên cứu khoa học.	Quý I/2026	Phòng Kế hoạch - Tài chính (KHTC)	Sở Tài chính

3. Trụ cột 3: Cơ sở hạ tầng

Mục tiêu: *Hạ tầng số và môi trường sinh thái.*

Nội dung công việc	Thời gian thực hiện	Đơn vị chủ trì (Sở GDĐT)	Đơn vị phối hợp
Đầu tư, mua sắm trang thiết bị phòng học bộ môn, phòng Lab, máy tính.	Thường xuyên	Phòng KHTC	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng tỉnh
Triển khai, nâng cấp hệ thống CSDL ngành, học bạ số, tuyển sinh đầu cấp trực tuyến.	Thường xuyên	Văn phòng Sở, Phòng KHTC, Phòng Quản lý chất lượng – Chuyển đổi số (QLCL-CĐS)	Sở Khoa học và Công nghệ
Kiểm tra công tác xây dựng trường chuẩn Quốc gia, trường học Xanh – Sạch – Đẹp gắn với yêu cầu về hạ tầng số, hạ tầng công nghệ thông tin.	Thường xuyên	Phòng KHTC phối hợp các cơ sở giáo dục	Sở Tài nguyên và Môi trường; Phòng Giáo dục mầm non, Phòng GDPT, Phòng QLCL-CĐS Sở GDĐT

4. Trụ cột 4: Trình độ phát triển của thị trường

Mục tiêu: *Giáo dục tài chính và kỹ năng liên kết thị trường.*

Nội dung công việc	Thời gian thực hiện	Đơn vị chủ trì (Sở GDĐT)	Đơn vị phối hợp
Tổ chức chuyên đề ngoại khóa về giáo dục tài chính, tín dụng cho học sinh THPT.	Thường xuyên	Phòng GDPT	Các đơn vị, trường học có liên quan
Xây dựng hệ sinh thái hỗ trợ khởi nghiệp trong các trường ĐH, CĐ trực thuộc.	Tháng 3 và tháng 10/2026	Phòng Giáo dục nghề nghiệp – giáo dục thường xuyên (GDNN-GDTX)	Hiệp hội Doanh nghiệp tỉnh

5. Trụ cột 5: Trình độ phát triển của doanh nghiệp

Mục tiêu: *Kết nối nguồn lực tri thức với doanh nghiệp.*

Nội dung công việc	Thời gian thực hiện	Đơn vị chủ trì (Sở GDĐT)	Đơn vị phối hợp
Ngày hội tư vấn hướng nghiệp, việc làm; ký kết hợp tác đào tạo theo nhu cầu doanh nghiệp.	Trong năm học	Phòng GDPT, Phòng GDNN-GDTX	Các doanh nghiệp trên địa bàn
Mời chuyên gia doanh nghiệp tham gia giảng dạy/ hướng dẫn thực hành tại các trường nghề/ cao đẳng.	Trong năm học	Các cơ sở giáo dục	Các doanh nghiệp trên địa bàn

6. Trụ cột 6: Sản phẩm tri thức, sáng tạo và công nghệ

Mục tiêu: *Chuẩn hóa sáng kiến và công bố quốc tế.*

Nội dung công việc	Thời gian thực hiện	Đơn vị chủ trì (Sở GDĐT)	Đơn vị phối hợp
Xét duyệt sáng kiến cấp Ngành/Tỉnh. Chú trọng sáng kiến có sản phẩm số hóa.	Tháng 5 - 6/2026	Văn phòng Sở	Sở KHCN (hỗ trợ đăng ký bản quyền nếu có); Các phòng chuyên môn Sở GDĐT
Tổng hợp, công bố các bài báo khoa học, công trình nghiên cứu của ngành.	Tháng 12/2026	Phòng GDPT	Các Tạp chí khoa học và tạp chí chuyên ngành trong ngoài nước có uy tín

7. Trụ cột 7: Tác động

Mục tiêu: *Đánh giá hiệu quả đầu ra.*

Nội dung công việc	Thời gian thực hiện	Đơn vị chủ trì (Sở GDĐT)	Đơn vị phối hợp
Thống kê tỷ lệ tốt nghiệp THPT, tỷ lệ đỗ ĐH/CĐ và	Tháng 7 - 8/2026	Phòng QLCL-CĐS	Phòng chuyên môn Sở GDĐT và các cơ sở giáo dục

Nội dung công việc	Thời gian thực hiện	Đơn vị chủ trì (Sở GDĐT)	Đơn vị phối hợp
phân luồng sau THCS.			
Khảo sát tình trạng việc làm của sinh viên/học viên sau tốt nghiệp (đối với khối GDNN-GDTX).	Quý IV/2026	Phòng GDNN-GDTX	Các trung tâm GDNN-GDTX

V. KINH PHÍ THỰC HIỆN

Kinh phí thực hiện được lồng ghép từ nguồn chi thường xuyên, nguồn đầu tư trung hạn, các công trình mục tiêu, đề án đã được cấp thẩm quyền phê duyệt và nguồn xã hội hoá hợp pháp.

VI. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Phòng Giáo dục phổ thông, Phòng Giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục thường xuyên

- Chủ trì, phối hợp với các phòng thuộc Sở GDĐT và các đơn vị liên quan triển khai thực hiện các nhiệm vụ tại mục III của Kế hoạch này.

- Chịu trách nhiệm tổng hợp, tham mưu báo cáo tình hình triển khai các nhiệm vụ tại mục II Kế hoạch này khi được chỉ đạo của Uỷ ban nhân dân tỉnh.

2. Văn phòng Sở

Chỉ đạo, phối hợp với các phòng thuộc Sở GDĐT và các đơn vị liên quan làm tốt công tác tuyên truyền đối với nhiệm vụ duy trì và nâng cao Chỉ số đổi mới sáng tạo toàn ngành (PII) năm 2026 và thực hiện các nhiệm vụ khác có liên quan khi được Giám đốc giao.

3. Phòng Kế hoạch – Tài chính

- Chịu trách nhiệm về việc đảm bảo kinh phí kịp thời, đúng quy định để triển khai thực hiện các nội dung, nhiệm vụ theo đúng kế hoạch.

- Tham mưu, hướng dẫn các vấn đề liên quan đến tài chính đối với việc triển khai các nhiệm vụ (mục III Kế hoạch này) tại các cơ sở giáo dục đảm bảo phù hợp với điều kiện địa phương và đúng quy định hiện hành.

4. Các phòng: Tổ chức cán bộ, Giáo dục Mầm non, Quản lý chất lượng-Chuyển đổi số

- Có trách nhiệm tham mưu về mặt chuyên môn và các nội dung liên quan để triển khai kế hoạch đảm bảo chất lượng, hiệu quả.

- Phối hợp với Phòng Giáo dục phổ thông, Phòng Giáo dục nghề nghiệp – Giáo dục thường xuyên và các đơn vị liên quan triển khai các nhiệm vụ được giao chủ trì, phối hợp.

5. Các trường phổ thông trực thuộc Sở Giáo dục và Đào tạo, Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp – Giáo dục thường xuyên

Triển khai các nhiệm vụ tại mục II Kế hoạch này theo chỉ đạo của Sở GDĐT đảm bảo các quy định hiện hành và phù hợp với tình hình thực tế của đơn vị.

6. Đề nghị Uỷ ban nhân dân xã, phường

Chủ tịch Uỷ ban nhân dân các xã, phường căn cứ nội dung Kế hoạch để chỉ đạo các đơn vị trực thuộc thực hiện nhiệm vụ nâng cao các chỉ số thành phần theo nhiệm vụ được phân công; phối hợp chặt chẽ với các phòng chuyên môn Sở trong việc triển khai các nhiệm vụ Kế hoạch.

Trên đây là Kế hoạch duy trì, nâng cao Chỉ số đổi mới sáng tạo (PII) Ngành Giáo dục và Đào tạo năm 2026. Trong quá trình triển khai thực hiện, nếu có khó khăn, vướng mắc, các đơn vị báo cáo về Sở GDĐT (qua Phòng Giáo dục phổ thông) để được hướng dẫn, phối hợp xử lý./.

Nơi nhận:
- Giám đốc, các Phó GĐ Sở;
- UBND các phường, xã;
- Các phòng thuộc Sở;
- Các đơn vị trực thuộc Sở;
- Website Sở GDĐT;
- Lưu: VT, QLCL-CĐS.

KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC

CỘNG HÒA X.H.C.N VIỆT NAM
SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TỈNH TÂY NINH

Huỳnh Phương Vũ